

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2025 – 2026
Môn: Ngữ văn; Khối: 12

A. GIỚI HẠN CHƯƠNG TRÌNH: Năng lực đọc và viết:

- **Năng lực đọc (6.0 điểm):** Phạm vi tri thức Đọc hiểu, tri thức tiếng Việt thuộc Bài 3, 4 (Văn nghị luận và Truyện hiện đại có yếu tố kì ảo).
- **Năng lực viết (4.0 điểm):** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Tự luận.

C. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Phần Đọc hiểu (6.0 điểm)

1. Thể loại văn nghị luận:

*** Đọc hiểu nội dung:**

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ của chúng; đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- Biết tiếp nhận và đánh giá nội dung với tư duy phê phán; nhận biết được mục đích của người viết.

*** Đọc hiểu hình thức:**

- Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận (chứng minh, giải thích, bình luận, phân tích, so sánh, bác bỏ) trong văn bản.
- Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ trong văn bản nghị luận và đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận.

*** Liên hệ so sánh, kết nối:** Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc cá nhân về văn bản văn học.

2. Truyện ngắn hiện đại có yếu tố kì ảo:

- HS nắm vững các đặc trưng của truyện ngắn như: ngôi kể, điểm nhìn, nhân vật, cốt truyện, chi tiết, nghệ thuật kể chuyện...
- HS lưu ý xác định chi tiết kì ảo trong truyện ngắn và đánh giá vai trò của các yếu tố đó.

II. Phần Làm văn (4.0 điểm):

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

Bài viết cần đảm bảo các yêu cầu:

- * Xác định được **yêu cầu của kiểu bài:** nghị luận xã hội.
- * Xác định đúng **vấn đề cần nghị luận.**
- * Đề xuất được **hệ thống ý** phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: Xác định được các ý chính của bài viết; Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận.
- Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân.
- Triển khai vấn đề nghị luận:
 - + Trình bày quan điểm của người viết (Trả lời câu hỏi vì sao?)
 - + Phản bác ý kiến trái chiều.
- Khẳng định lại quan điểm của người viết về vấn đề và đề xuất bài học cá nhân phù hợp
- * **Lưu ý:**
 - Lựa chọn được **thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp** để triển khai vấn đề nghị luận.
 - Trình bày rõ **quan điểm** và **hệ thống các ý**.

- **Lập luận chặt chẽ, thuyết phục:** lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.
- Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.
- Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.

D. MA TRẬN VÀ ĐỀ THAM KHẢO

I. Ma trận đề kiểm tra

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc	Truyện hiện đại có yếu tố kì ảo	3	2	1	60
		Văn nghị luận	(30%)	(20%)	(10%)	
2	Viết	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.	1* (5%)	1* (15%)	1* (20%)	40
Tỉ lệ%			35%	35%	30%	100
Tổng			70%		30%	

Lưu ý:

Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*

II. Đề tham khảo

ĐỀ 1:

Họ và tên học sinh:..... Lớp:.....

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

SỐNG DỄ VÀ SỐNG KHÓ

(1) Đời người chỉ sống có một lần, nhưng có người suốt đời lúc nào cũng thanh thản, tươi vui, nhẹ tênh tênh; ngược lại, có người luôn tự mình dằn vặt, lo âu, sầu não, mưu mô,...

(2) Người này cho sống là dễ dàng. Người khác cho sống là khó khăn, nhọc nhằn... Thật trăm hình nghìn vẻ. Có lẽ có một triệu người thì có triệu hoàn cảnh cách nhau, trước hết sống dễ hay khó là tùy thuộc vào cách sống của con người cụ thể ấy.

(3) Có người sống vui với hoàn cảnh, không khổ sở vì thiếu chức cao, vọng lớn, không buồn vì luôn thèm những bữa ăn ngon, lên xe xuống ngựa, không ghen tức vì kẻ khác giàu có hơn mình, danh vị hơn mình. Luôn nhường nhịn, giúp đỡ kẻ khác chứ không mong được hơn kẻ khác. Vui vì được mùa, được ngắm bông hoa tươi, được manh áo chỉ là thứ vải thường, đi cái xe loại xoàng, càng vui khi bạn bè thành công hơn mình, tiến xa hơn mình...

(4) Người khác không thế, lúc nào cũng khổ sở vì tự thấy mình thua kém, nên ghen tị với thành công của anh hàng xóm, thấy người khác vui vẻ cũng ảm ức, chỉ mong sao mình lấn chiếm thêm ít thước đất, mảnh vườn, có bộ áo quần mà anh hàng xóm không có được. Chỉ mong sao đánh đổ được người khác, nên phải mưu toan nói xấu người, phải tung tin đồn làm hại người, mà muốn tung tin thì phải lo toan suy nghĩ để bịa ra được cái lí của mình,... Bao giờ cũng tự đánh giá mình cao hơn cái mình thực có, nên sinh ra kèn cựa, kiêu tự, dè bủ, bình phẩm, hạ thấp uy tín người khác. Không kể còn có khi nhận vợ dòng dõi, địa vị, tước danh nhằm mưu cầu lợi lộc, nếu không đạt ý mình thì trần trọc khổ sở, bày mưu tính kế một cách lao tâm khổ tứ, miễn sao mình được hơn người, dù chính đáng hoặc không chính đáng, nên phải dùng thủ đoạn đen tối, tà ý, nhỏ nhen... Tất cả những cái đó trước hết là tự làm khổ mình, ngày đêm không dứt ra được, cho nên sống ở trên đời là khó lắm...

(5) Nói thế không phải cứ an phận nghèo hèn, dốt nát, không có chí tiến thủ. Nhưng lẽ sống, lối sống không phải chỉ là để mưu cầu lợi danh một cách hèn học. Nếu có lòng vị tha, biết khoan dung, rộng lượng, biết thanh thản trước những cám dỗ nhỏ nhen,... thì cuộc sống thật dễ dàng.

(Băng Sơn, in trong *Người Việt từ nhà ra đường*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 1999, tr. 8)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định luận đề của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra luận điểm của đoạn (3) và (4).

Câu 3. Chỉ ra bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ cho luận điểm ở đoạn (4).

Câu 4. Nêu tác dụng của việc kết hợp thao tác lập luận phân tích và thao tác lập luận bác bỏ trong văn bản.

Câu 5. Trình bày nhận xét của anh/chị về mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.

Câu 6. Từ văn bản trên, anh/chị rút ra bài học gì trong việc lựa chọn lối sống đúng đắn cho bản thân?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (Khoảng 600 chữ) về vấn đề: *Tuổi trẻ cần phải có niềm tin với bản thân.*

ĐỀ 2:
TRƯỜNG THPT TÔN THẤT TÙNG ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2025-2026
Môn: Ngữ văn, Lớp 12
Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên học sinh:..... Lớp:.....

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

(**Lược dẫn:** Các cô lão ở bản Hua Tát⁽¹⁾ tổ chức kén rể cho Hà Thị E - xinh đẹp, dịu dàng và đức hạnh. Nàng là con gái của trưởng bản Hà Văn Nó. Các cô lão quyết định, ai có được đức tính quý nhất và khó kiếm nhất thì được làm chồng E. Đã có các chàng trai lần lượt đến để kén rể: chàng có đức tính dũng cảm; chàng có đức tính khôn ngoan nhưng E cho rằng: đó là những đức tính đáng quý nhưng không khó kiếm...)

Một lần khác nữa, có một chàng trai béo phì cười ngượng đến bản. Chàng béo nói:

- Giàu có là đức tính đáng quý và khó kiếm nhất. Tôi là người giàu có.

Chàng béo đổ ra sàn không biết bao nhiêu là vàng và bạc trắng. Mọi người hoa mắt. Trưởng bản và các cô lão ngồi nín lặng. Chưa bao giờ họ thấy có người giàu có như thế.

- Giàu có là điều không phải chứng minh!... – Chàng béo nói.

Các cô lão gật gù. Trưởng bản cũng gật gù. Chàng béo mỉm cười, mắt chàng có ánh lửa, có đông bão, có cả đêm tối nữa. Người chàng như có hào quang.

Trưởng bản hỏi E.

- Thế nào con gái ta...Giàu có có phải là đức tính đáng quý và khó kiếm không con?

- Khó kiếm thì đúng - E trả lời. - Nhưng giàu có không phải là đức tính. Giả dối đúng là một đức tính. Không thể giàu có mà không giả dối...

Các cô lão cười phá lên. Người ta lại xoè⁽²⁾ suốt đêm để mừng con người giàu có.

Cuối cùng có một chàng trai trong bản Hua Tát tìm đến gặp trưởng bản và các cô lão. Đây là Hắc, chàng trai mồ côi, một thợ săn xuất sắc nhất bản. Hắc nói với mọi người:

- Trung thực là đức tính đáng quý và khó kiếm nhất!

- Cứ chứng minh xem! Mọi người bảo chàng. Hắc trả lời:

- Trung thực không phải là cái vòng bạc ở cổ đưa ra cho mọi người trông thấy, sờ tay vào nó.

Mọi người xôn xao, các cô lão bàn tán. Trưởng bản tức giận, mặt ông đỏ bừng như lửa:

- Phải chứng minh! Trưởng bản hét lên, ông đã nhìn thấy đôi mắt trù mến của E nhìn Hắc.

- Ai tin mày? Ai bảo mày có đức tính trung thực? Trưởng bản hỏi.

- Then⁽³⁾ biết! Hắc trả lời.

- Cả con cũng biết! E nói nghiêm trang.

- Điên rồ! Trưởng bản gầm lên. Ông nhìn sang các cô lão cầu cứu. Ông biết, người già bao giờ cũng tìm ra lối thoát đơn giản cho mọi rắc rối trên đời.

- Hãy cầu Then đi! - Một vị cô lão bảo Hắc - Trời đang hạn hán, tất cả mớ nước⁽⁴⁾ đều đã cạn khô. Nếu con trung thực, con hãy cầu Then mưa xuống!

Trưa hôm sau, dân bản Hua Tát lập đàn cầu đảo, không khí oi nồng ngột ngạt. Hắc bước lên đàn, chàng ngược đôi mắt trang nghiêm nhìn trời. Chàng nói:

- Con sống trung thực, dầu biết trung thực bao giờ cũng chịu đau khổ thiệt thòi. Tuy nhiên, nếu lòng trung thực chuộc được tội lỗi và mang tình yêu đến được cho thế gian này, xin trời mưa xuống...

Trời cao tĩnh lặng. Bỗng nhiên từ đâu đó xa xôi có một cơn gió mơ hồ thổi về. Tất cả ngọn cây trên rừng xào xạc. Mặt đất bắt đầu xuất hiện những cơn lốc nhỏ.

Buổi chiều, bầu trời đầy mây vần vũ và khi đêm xuống thì mưa như trút.

Lần ấy, người ta đã xoè suốt một tuần trăng để mừng đám cưới của Hặc với con gái trưởng bản.

Đây là tiệc xoè vui nhất ở bản Hua Tát. Cả bản đều say khướt. Từng cái cột nhà, thậm chí đến từng cái cây trong vườn cũng được mời uống một sừng rượu đại.

(Trích Tiệc xoè vui nhất, Nguyễn Huy Thiệp, in trong Những ngọn gió Hua Tát, NXB Hà Nội, 2024, tr. 270 - 272)

Chú thích:

(1) *Hua Tát*: tên bản nhỏ của người Thái Đen ở vùng Tây Bắc; (2) *xoè*: điệu múa đặc trưng của dân tộc Thái; (3) *Then*: đọc chệch là thiên, đây có nghĩa là Trời; (4) *mó nước*: nguồn nước chảy từ núi.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (1,0 điểm). Xác định ngôi kể được sử dụng trong văn bản.

Câu 2 (1,0 điểm). Chỉ ra những chi tiết giới thiệu về nhân vật Hặc.

Câu 3 (1,0 điểm). Chỉ ra chi tiết, sự việc có yếu tố kì ảo.

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong câu văn: *Chàng béo mồm cười, mắt chàng có ánh lửa, có đông bão, có cả đêm tối nữa.*

Câu 5 (1,0 điểm). Anh/Chị hiểu như thế nào về đức tính trung thực qua câu văn: *Trung thực không phải là cái vòng bạc ở cổ đưa ra cho mọi người trông thấy, sờ tay vào nó?*

Câu 6 (1,0 điểm). Từ hành động và phẩm chất của nhân vật Hặc, anh/chị hãy đề xuất một giải pháp thiết thực để nuôi dưỡng được đức tính trung thực cho bản thân.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về vấn đề: *Tuổi trẻ ngày nay cần phải có năng lực tự học.*

--- HẾT ---

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.